

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ****BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2024/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

**THÔNG TƯ****Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định,  
kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu**

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về quản lý ngành, lĩnh vực;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu,

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc có liên quan đến hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 2. Áp dụng Mẫu và Phụ lục**

1. Mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng đối với quy trình chỉ định thầu thông thường quy định tại Điều 76 và Điều 77 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu:

- a) Mẫu số 1A sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu xây lắp;
- b) Mẫu số 1B sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu mua sắm hàng hóa;
- c) Mẫu số 1C sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn;
- d) Mẫu số 1D sử dụng để lập hồ sơ yêu cầu gói thầu dịch vụ tư vấn.

Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu quốc tế, gói thầu áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu hồ sơ yêu cầu ban hành kèm theo Thông tư này trên cơ sở bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Đối với gói thầu hỗn hợp (EPC, EP, EC, PC) áp dụng hình thức chỉ định thầu, chủ đầu tư vận dụng và chỉnh sửa các Mẫu hồ sơ mời thầu gói thầu EPC, EP, EC, PC qua mạng được ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để phù hợp với cách thức tổ chức lựa chọn nhà thầu không qua mạng, bảo đảm không trái quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

#### **2. Mẫu báo cáo đánh giá:**

a) Mẫu số 2A sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ;

b) Mẫu số 2B sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ;

c) Mẫu số 2C sử dụng để lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng.

Việc lập báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu của gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đề xuất, chủ đầu tư chỉnh sửa các Mẫu báo cáo đánh giá ban hành kèm theo Thông tư này trên cơ sở bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

3. Mẫu báo cáo thẩm định được sử dụng cho đấu thầu qua mạng và đấu thầu không qua mạng, bao gồm:

a) Mẫu số 3A sử dụng để lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu;

b) Mẫu số 3B sử dụng để lập báo cáo thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cho gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, gói thầu áp dụng hình thức chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường;

c) Mẫu số 3C sử dụng để lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Việc lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu của gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ yêu cầu; thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển; thẩm định danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật cho gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn, gói thầu áp dụng hình thức chào giá trực tuyến, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chủ đầu tư vận dụng và chỉnh sửa các Mẫu báo cáo thẩm định ban hành kèm theo Thông tư này trên cơ sở bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

4. Mẫu kiểm tra hoạt động đấu thầu:

a) Mẫu số 4.1A sử dụng để lập Kế hoạch kiểm tra định kỳ hoạt động đấu thầu;

b) Mẫu số 4.1B sử dụng để lập Kế hoạch kiểm tra chi tiết;

c) Mẫu số 4.2 sử dụng để lập Đề cương báo cáo tình hình thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

d) Mẫu số 4.3 sử dụng để lập Báo cáo kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

đ) Mẫu số 4.4 sử dụng để lập Kết luận kiểm tra hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

e) Mẫu số 4.5 sử dụng để lập Báo cáo phản hồi về tình hình thực hiện Kết luận kiểm tra.

5. Mẫu số 5 sử dụng để lập Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

6. Các phụ lục:

a) Phụ lục 1: Biên bản đóng thầu;

b) Phụ lục 2A: Biên bản mở thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ);

c) Phụ lục 2B: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

d) Phụ lục 2C: Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ);

đ) Phụ lục 3: Quyết định kiểm tra;

e) Phụ lục 4: Thông báo kiểm tra;

g) Phụ lục 5: Biên bản công bố Quyết định kiểm tra;

h) Phụ lục 6: Thông báo kết thúc kiểm tra trực tiếp;

i) Phụ lục 7: Mẫu bản cam kết.

Đối với Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, Biên bản thương thảo hợp đồng, Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu áp dụng đấu thầu không qua mạng, chủ đầu tư, bên mời thầu vận dụng và chỉnh sửa các mẫu tương ứng trong Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT trên cơ sở bảo đảm không trái quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

7. Trường hợp cần chỉnh sửa nội dung trong Mẫu hồ sơ yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu phải bảo đảm việc chỉnh sửa đó là phù hợp, chặt chẽ và không trái quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ yêu cầu phải nêu rõ các nội dung chỉnh sửa so với quy định trong Mẫu hồ sơ yêu cầu và lý do chỉnh sửa để chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong mọi trường

hợp, chủ đầu tư phải bảo đảm nhà thầu được lựa chọn có đủ năng lực, kinh nghiệm, có giải pháp kỹ thuật để thực hiện gói thầu theo tiến độ, chất lượng và các yêu cầu khác quy định trong hồ sơ yêu cầu.

### **Điều 3. Cơ quan, tổ chức thực hiện báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu**

1. Định kỳ hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trên cả nước.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức khác thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2 của Luật Đấu thầu báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc báo cáo bằng văn bản gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong trường hợp có yêu cầu về bảo mật.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu giúp Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước, cơ quan, tổ chức khác đôn đốc, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm của chủ đầu tư, bên mời thầu thuộc địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý.

4. Chủ đầu tư, bên mời thầu báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu của các gói thầu, dự án của mình đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu quy định tại khoản 3 Điều này.

### **Điều 4. Thời gian báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II năm tiếp theo của kỳ báo cáo.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước gửi báo cáo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày 01 tháng 02 năm tiếp theo của kỳ báo cáo. Trường hợp thời điểm báo cáo nêu trên trùng với ngày nghỉ hằng tuần hoặc nghỉ lễ theo quy định của pháp luật về lao động thì thời điểm báo cáo là ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ hoặc thời điểm nghỉ lễ.

3. Chủ đầu tư, bên mời thầu gửi báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu theo định kỳ hằng năm theo yêu cầu về thời hạn báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về hoạt động đấu thầu.

**Điều 5. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với Quyết định kiểm tra hoạt động đấu thầu được ban hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc kiểm tra thực hiện theo Quyết định đó và quy định tại Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu.

2. Đối với hồ sơ yêu cầu được phát hành trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng được thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT.

3. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp gói thầu chưa lập hồ sơ yêu cầu hoặc đã lập, phê duyệt hồ sơ yêu cầu nhưng chưa phát hành thì phải lập, sửa đổi, phê duyệt lại hồ sơ yêu cầu theo quy định của Thông tư này.

4. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trường hợp gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 12/2022/TT-BKHĐT, Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT chưa lập hồ sơ mời thầu hoặc đã lập, phê duyệt hồ sơ mời thầu nhưng chưa phát hành thì phải lập, sửa đổi, phê duyệt lại hồ sơ mời thầu theo quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BKHĐT, Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT, khoản 3 và khoản 4 Điều 6 Thông tư này.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT hết hiệu lực thi hành.

3. Sửa đổi một số nội dung tại Mục 5.3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu thuộc Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BKHĐT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) và Mục 5.3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu thuộc Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT

ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu xây lắp đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA như sau:

a) Thay cụm từ “Sử dụng thang điểm 100 hoặc 1.000” bằng cụm từ “Sử dụng thang điểm T”;

b) Sửa đổi Bước 5 như sau:

“Bước 5. Xác định điểm giá:

Điểm giá được xác định trên cơ sở giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) không bao gồm thuế, phí, lệ phí. Cụ thể như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = (G_{\text{thấp nhất}} \times T) / G_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

- Điểm giá<sub>đang xét</sub>: điểm giá của HSDXTC đang xét;
- $G_{\text{thấp nhất}}$ : giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;
- $G_{\text{đang xét}}$ : giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của HSDXTC đang xét.
- T: là mức điểm tối đa kỹ thuật.”

4. Bãi bỏ cụm từ “theo thang điểm 100 hoặc 1.000” tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu thuộc Mẫu số 01 và Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, các tập đoàn kinh tế nhà nước, các tổng công ty nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời hướng dẫn./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Chí Dũng**

**PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT  
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**Phụ lục 1:** Biên bản đóng thầu

**Phụ lục 2A:** Biên bản mở thầu (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

**Phụ lục 2B:** Biên bản mở hồ sơ đề xuất về kỹ thuật (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

**Phụ lục 2C:** Biên bản mở hồ sơ đề xuất về tài chính (đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

**Phụ lục 3:** Quyết định kiểm tra

**Phụ lục 4:** Thông báo kiểm tra

**Phụ lục 5:** Biên bản công bố Quyết định kiểm tra

**Phụ lục 6:** Thông báo kết thúc kiểm tra trực tiếp

**Phụ lục 7:** Mẫu bản cam kết.



## Phụ lục 1

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]  
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

### BIÊN BẢN ĐÓNG THẦU<sup>(1)</sup>

#### A. CÁC THÔNG TIN CHUNG

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: \_\_\_\_ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

II. Tên gói thầu: \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Bên mời thầu và các nhà thầu nộp HSDT:

1. Bên mời thầu: \_\_\_\_ [Ghi tên thành viên tiếp nhận HSDT].

2. Danh sách các nhà thầu nộp HSDT tính đến thời điểm đóng thầu:

Stt	Tên nhà thầu	Địa chỉ	Số điện thoại, fax	Tình trạng niêm phong	Ghi chú

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị rút, thay thế, sửa đổi, bổ sung HSDT (nếu có): \_\_\_\_ [Ghi tên, địa chỉ của nhà thầu].

#### B. CÁC THÔNG TIN KHÁC (NẾU CÓ)

Thời điểm đóng thầu: \_\_\_\_ [ghi thời điểm đóng thầu] tại \_\_\_\_ [ghi địa điểm đóng thầu].

Chữ ký của Bên mời thầu \_\_\_\_\_

[Đại diện Bên mời thầu ký tên, đóng dấu (nếu có)].

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng cho đấu thầu không qua mạng, trường hợp không cần thiết thì không cần lập mẫu này.

## Phụ lục 2A

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]  
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**BIÊN BẢN MỞ THẦU**

(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc \_\_\_\_ [Ghi thời điểm mở thầu] tại \_\_\_\_  
[Ghi địa điểm mở thầu].

**A. CÁC THÔNG TIN CHUNG**

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: \_\_\_\_ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

II. Tên gói thầu: \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Danh sách nhà thầu

1. Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: \_\_\_\_ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu].

2. Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): \_\_\_\_ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu].

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có): \_\_\_\_  
[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT].

**B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ THẦU**

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có)			
2	Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở			
3	Bản gốc HSDT			
4	Số lượng bản chụp HSDT			
5	Thời gian có hiệu lực của HSDT (ghi rõ thời gian có hiệu lực của HSDT nêu trong đơn dự thầu)			
6	Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu (chưa trừ giá trị giảm giá, nếu có)			

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
7	Giảm giá (nếu có)			
8	Giá dự thầu sau giảm giá			
9	Giá dự thầu trong bảng tổng hợp giá dự thầu			
10	Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu			
11	Thời gian thực hiện gói thầu ghi trong đơn dự thầu			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở thầu (nếu có).

### C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

\_\_\_\_\_ [*Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)*].

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở thầu kết thúc vào: \_\_\_\_\_ [*Ghi thời điểm kết thúc lễ mở thầu*]

Chữ ký của đại diện Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu:

\_\_\_\_\_  
Ghi chú:

*Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDT. Việc mở thầu tuân thủ theo quy định của Luật đấu thầu và quy định pháp luật hiện hành.*

## Phụ lục 2B

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]  
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**BIÊN BẢN**  
**MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT**  
(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở thầu được bắt đầu vào lúc \_\_\_\_ [Ghi thời điểm mở thầu] tại \_\_\_\_  
[Ghi địa điểm mở thầu].

**A. CÁC THÔNG TIN CHUNG**

I. Tên dự án/dự toán mua sắm: \_\_\_\_ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

II. Tên gói thầu: \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].

III. Danh sách nhà thầu

1. Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: \_\_\_\_ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu].

2. Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu (nếu có): \_\_\_\_ [Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu].

3. Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT (nếu có): \_\_\_\_  
[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế HSDT].

**B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HỒ SƠ**

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Văn bản đề nghị rút HSDT (nếu có)			
2	Tình trạng niêm phong của HSDT trước khi mở			
3	Bản gốc HỒ SƠ			
4	Số lượng bản chụp HỒ SƠ			
5	Thời gian có hiệu lực của HỒ SƠ (ghi rõ thời gian có hiệu lực của HỒ SƠ nêu trong đơn dự thầu)			

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
6	Hình thức, giá trị và thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu <sup>(1)</sup>			
7	Thời gian thực hiện gói thầu ghi trong đơn dự thầu			
8	Tình trạng niêm phong của HSDXTC			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSDXKT (nếu có).

### C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)

\_\_\_\_\_ [*Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)*].

Bản chụp biên bản mở thầu được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSDXKT kết thúc vào: \_\_\_\_\_ [*Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSDXKT*].

Chữ ký của đại diện Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXKT:

\_\_\_\_\_  
*Ghi chú:*

*Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc các tài liệu sau: đơn dự thầu, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); bảo đảm dự thầu; các nội dung quan trọng của từng HSDXKT.*

*HSDXTC của tất cả các nhà thầu phải được Bên mời thầu niêm phong trong một túi riêng biệt và được đại diện của Bên mời thầu, nhà thầu tham dự lễ mở thầu ký niêm phong.*

*Việc mở HSDXKT tuân thủ theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định 24/2024/NĐ-CP và HSMT*

*(1) Bỏ nội dung này đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.*

## Phụ lục 2C

[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]  
[TÊN BÊN MỜI THẦU]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**BIÊN BẢN  
MỞ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VỀ TÀI CHÍNH**

(đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ)

Lễ mở HSDXTC được bắt đầu vào lúc \_\_\_\_\_ [Ghi thời điểm mở HSDXTC]  
tại \_\_\_\_\_ [Ghi địa điểm mở HSDXTC].

**A. CÁC THÔNG TIN CHUNG**

- I. Tên dự án/dự toán mua sắm: \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].  
II. Tên gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu theo KHLCNT].  
III. Danh sách nhà thầu tham dự: \_\_\_\_\_ [Ghi tên các nhà thầu].

**B. CÁC THÔNG TIN CHỦ YẾU TRONG LỄ MỞ HSDXTC**

Stt	Các thông tin chủ yếu	Nhà thầu A	Nhà thầu B	...
1	Tình trạng niêm phong của HSDXTC			
2	Điểm kỹ thuật của các HSDT được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật			
3	Bản gốc HSDXTC			
4	Số lượng bản chụp HSDXTC			
5	Đơn dự thầu thuộc HSDXTC			
6	Thời gian có hiệu lực của HSDXTC			
7	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu chưa trừ giá trị giảm giá, nếu có)			
8	Giá trị giảm giá (nếu có)			

Ý kiến của đại diện các bên tham dự lễ mở HSDXTC (nếu có).

**C. CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN KHÁC (NẾU CÓ)**

\_\_\_\_\_ *[Bên mời thầu điền các thông tin liên quan khác (nếu có)].*

Bản chụp biên bản mở HSDXTC được gửi đến tất cả các bên tham dự lễ mở thầu.

Lễ mở HSDXTC kết thúc vào: \_\_\_\_\_ *[Ghi thời điểm kết thúc lễ mở HSDXTC].*

Chữ ký của đại diện Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở HSDXTC:

\_\_\_\_\_  
*Ghi chú:*

*Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào tất cả các trang bản gốc của HSDXTC.*

## Phụ lục 3

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM  
QUYỀN KIỂM TRA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc kiểm tra.....<sup>1</sup> tại.....<sup>2</sup>

**[NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA]**

*Căn cứ..... [nêu các căn cứ để thực hiện kiểm tra];*

*Xét đề nghị của..... [ghi chức danh người đứng đầu đơn vị thực hiện kiểm tra];*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Đoàn kiểm tra.....<sup>1</sup> tại.....<sup>2</sup> gồm các thành viên sau:

1. Ông (Bà)....., Trưởng đoàn;
2. Ông (Bà)....., Phó Trưởng đoàn;
3. Ông (Bà)....., Thư ký đoàn;
4. Ông (Bà)....., Thành viên;
- 5.....

**Điều 2.** Mục đích, nội dung và phạm vi, đối tượng kiểm tra

1. Mục đích kiểm tra:...
2. Nội dung và phạm vi kiểm tra:...
3. Đối tượng kiểm tra:...

**Điều 3.** Thời gian kiểm tra

1. Dự kiến thời gian kiểm tra:...

2. Thời gian hoàn thành Báo cáo kiểm tra và Kết luận kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 120 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

<sup>1</sup> Ghi nội dung hoạt động đấu thầu được kiểm tra.

<sup>2</sup> Ghi tên đơn vị được kiểm tra.



**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch kiểm tra chi tiết, tiến hành theo đúng mục đích, nội dung, tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra theo quy định.

2. Trưởng đoàn và các thành viên Đoàn kiểm tra thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 115 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

3. Đoàn kiểm tra tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ và Kết luận kiểm tra được phê duyệt.

4. Nội dung khác (nếu cần thiết).

**Điều 5. Kinh phí hoạt động của Đoàn kiểm tra**

*[Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 120 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.]*

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 và *[cá nhân có liên quan]* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**  
*[Ghi nơi nhận]*

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ  
THẨM QUYỀN KIỂM TRA**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

## Phụ lục 4

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM  
QUYỀN KIỂM TRA HOẶC  
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KIỂM TRA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../...

....., ngày..... tháng..... năm.....

V/v kiểm tra.....<sup>1</sup>

Kính gửi:.....<sup>2</sup>

Căn cứ..... [*Nêu các căn cứ để thực hiện kiểm tra*];

.....<sup>3</sup> thông báo tới đơn vị được kiểm tra về việc kiểm tra.....<sup>1</sup> (kèm theo Kế hoạch kiểm tra chi tiết) và đề nghị đơn vị được kiểm tra phối hợp với Đoàn kiểm tra để thực hiện việc kiểm tra theo các nội dung sau:

1. Báo cáo bằng văn bản theo các nội dung yêu cầu tại Kế hoạch kiểm tra chi tiết.

2. Tổ chức cuộc họp giữa Đoàn kiểm tra với đơn vị được kiểm tra để công bố Quyết định kiểm tra vào...<sup>4</sup>

3. Các đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan phục vụ việc kiểm tra.

Đề nghị đơn vị được kiểm tra hỗ trợ và phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**  
[*Ghi nơi nhận*]

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN  
CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA  
HOẶC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN KIỂM TRA**  
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

<sup>1</sup> Ghi nội dung hoạt động đấu thầu được kiểm tra.

<sup>2</sup> Ghi tên đơn vị được kiểm tra.

<sup>3</sup> Ghi tên cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hoặc tên đơn vị thực hiện kiểm tra.

<sup>4</sup> Ghi thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp.

## Phụ lục 5

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN KIỂM TRA**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đoàn kiểm tra...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN**  
**Công bố Quyết định kiểm tra**

[Ghi thời gian, địa điểm công bố Quyết định], Đoàn kiểm tra thực hiện công bố Quyết định kiểm tra.....<sup>1</sup> như sau:

**I. THÀNH PHẦN**

1. Đoàn kiểm tra:

- Ông (Bà)....., Trưởng đoàn;

- Ông (Bà)....., Phó trưởng đoàn;

Cùng các thành viên Đoàn kiểm tra theo thành lập theo Quyết định số..... ngày..... của.....

2. Đại diện đơn vị được kiểm tra:

- Ông (Bà)....., Chức vụ:.....

3. Đại diện lãnh đạo các chủ đầu tư/ban quản lý dự án..... thuộc đơn vị được kiểm tra.

4. Đại diện tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

**II. NỘI DUNG**

[Ghi nội dung trong Hội nghị công bố Quyết định]

Việc công bố Quyết định kiểm tra kết thúc vào..... [ghi thời gian kết thúc Hội nghị].

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ**  
**ĐƯỢC KIỂM TRA**  
[Ký và ghi rõ họ tên]**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**  
[Ký và ghi rõ họ tên]

<sup>1</sup> Ghi số, ký hiệu, ngày ký Quyết định, chức danh người ký Quyết định và nội dung hoạt động đầu thầu được kiểm tra.

## Phụ lục 6

**TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM  
QUYỀN KIỂM TRA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Đoàn kiểm tra...**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc kết thúc kiểm tra trực tiếp tại.....<sup>1</sup>**

Kính gửi:.....<sup>1</sup>

Thực hiện Quyết định kiểm tra..... [nêu số, ký hiệu, ngày ký Quyết định, chức danh người ký Quyết định và nội dung hoạt động đầu thầu được kiểm tra], Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....<sup>2</sup> tại.....<sup>1</sup>.

[Ghi các nội dung chính có liên quan về việc thông báo kết thúc kiểm tra trực tiếp như: việc đánh giá sơ bộ của Đoàn kiểm tra, việc cung cấp tài liệu và phối hợp trong việc xây dựng dự thảo Báo cáo kiểm tra,.....]

Đoàn kiểm tra thông báo đến.....<sup>1</sup> để biết.

**Nơi nhận:**

- [Ghi nơi nhận];
- Lưu hồ sơ Đoàn kiểm tra.

**TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA**

[Ký và ghi rõ họ tên]

<sup>1</sup> Ghi tên đơn vị được kiểm tra.

<sup>2</sup> Ghi cụ thể thời gian thực hiện kiểm tra.

## Phụ lục 7

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**BẢN CAM KẾT**

Tôi tên là: \_\_\_\_\_ [*Ghi tên thành viên tham gia thẩm định trong đơn vị thẩm định/tổ thẩm định*]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_ [*Ghi rõ địa chỉ*]

Số CCCD/Hộ chiếu: \_\_\_\_\_ [*Ghi số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, cơ quan cấp*]

Là thành viên tham gia thẩm định [*Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: hồ sơ mời quan tâm/hồ sơ mời sơ tuyển/hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu; danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm/kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển/kết quả lựa chọn nhà thầu*] gói thầu [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án [*Ghi tên dự án*] theo \_\_\_\_\_ [*ghi rõ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc được giao hoặc hợp đồng thuê tư vấn*].

Tôi cam kết như sau:

- Đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;

- Thẩm định [*Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: hồ sơ mời quan tâm/hồ sơ mời sơ tuyển/hồ sơ mời thầu/hồ sơ yêu cầu; danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm/kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển/kết quả lựa chọn nhà thầu*] trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.

- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 81 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**Người cam kết**[*Ký, ghi rõ họ tên*]

**MẪU SỐ 1A**

**HỒ SƠ YÊU CẦU GÓI THẦU XÂY LẮP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 23/2024/TT-BKHĐT  
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

## HỒ SƠ YÊU CẦU XÂY LẬP

**Số hiệu gói thầu:** \_\_\_\_\_

**Tên gói thầu:** \_\_\_\_\_

**Dự án/dự toán mua sắm:** \_\_\_\_\_

*[ghi số hiệu gói thầu, tên gói thầu và tên dự án/dự toán mua sắm theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu]*

**Phát hành ngày:** \_\_\_\_\_

*[ghi ngày bắt đầu phát hành hồ sơ yêu cầu cho nhà thầu]*

**Ban hành kèm theo Quyết định:** \_\_\_\_\_

*[ghi số quyết định, ngày phát hành quyết định phê duyệt hồ sơ yêu cầu]*

**Tư vấn đấu thầu (nếu có)**

*[ghi tên, đóng dấu]*

**Chủ đầu tư**

*[ghi tên, đóng dấu]*

**TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSDX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15
Nghị định số 24/2024/NĐ-CP	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT	Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
VND	Đông Việt Nam



## Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU

### Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

#### Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Chủ đầu tư \_\_\_\_\_ [Ghi tên, địa chỉ Chủ đầu tư] mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt] thuộc \_\_\_\_\_ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi rõ nguồn vốn đã được xác định hoặc phê duyệt; trường hợp sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài thì phải ghi rõ tên nhà tài trợ và cơ cấu nguồn vốn, bao gồm vốn tài trợ, vốn đối ứng trong nước].

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: \_\_\_\_\_ [Ghi thời gian cụ thể theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt], được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành công trình, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

#### Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu.

#### Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

Nhà thầu là tổ chức, hộ kinh doanh không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác.

#### Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến bên mời thầu tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trường hợp Chủ đầu tư sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là \_\_\_\_\_ [Ghi số ngày cụ thể, tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi không đáp ứng quy định này, bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC] trước ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Nhà thầu được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc lập HSDX. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí cũng như rủi ro có thể xảy ra trong quá trình khảo sát hiện trường. Nhà thầu cần liên hệ trước với bên mời thầu để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.

#### **Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu**

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.
2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

#### **Mục 6. Thành phần của HSDX**

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, của người ký đơn dự thầu;
4. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 8 Chương này;
5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C hoặc Mẫu số 04D hoặc Mẫu số 04E Chương III;
6. Các nội dung khác \_\_\_\_\_ [Nêu các nội dung khác tùy theo tính chất, yêu cầu của gói thầu].

### **Mục 7. Giá dự thầu**

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

### **Mục 8. Thành phần đề xuất kỹ thuật**

Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương IV để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

### **Mục 9. Hiệu lực của HSDX**

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là \_\_\_\_ [*Ghi rõ số ngày tùy thuộc quy mô, tính chất của gói thầu, bảo đảm thời gian có hiệu lực đến ngày ký kết hợp đồng*] kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

### **Mục 10. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX**

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và \_\_\_\_\_ bản chụp HSDX [*Ghi số lượng yêu cầu nhưng không quá 3 bản*], ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

### **Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu**

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Chủ đầu tư [*Ghi địa chỉ*] nhưng phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu: \_\_\_ giờ, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ [*Ghi thời điểm đóng thầu*].

#### **2. Mở thầu:**

Bên mời thầu tiến hành mở thầu công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu chỉ mở các HSDX nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSYC trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:

- Tham dự độc lập hay liên danh;
- Số lượng bản gốc, bản chụp;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
- Giá trị giảm giá (nếu có);
- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

## Mục 12. Nhà thầu phụ

1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Trừ các phần công việc của gói thầu không được sử dụng nhà thầu phụ bao gồm: \_\_\_\_\_ [*Ghi “Không có” trong trường hợp không có quy định. Trường hợp có quy định thì ghi các phần công việc của gói thầu không cho phép sử dụng nhà thầu phụ*], nhà thầu được kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 10A Chương III. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.

Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà thầu, trừ trường hợp quy định tại Mục 12.3 Chương này. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDX hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc xây lắp.

2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá \_\_\_\_\_ tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu [*tùy theo quy mô, tính chất gói thầu, Chủ đầu tư ghi tỷ lệ % tối đa dành cho nhà thầu phụ*]. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thỏa thuận liên danh.

3. Nhà thầu phụ đặc biệt \_\_\_\_\_ [*Ghi được phép sử dụng hoặc không được phép sử dụng*]

Trong trường hợp được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu phải kê khai danh sách nhà thầu phụ đặc biệt theo Mẫu số 10B Chương III và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt. Bên mời thầu sẽ đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.3 Chương II. Trường hợp nhà thầu phụ đặc biệt do nhà thầu đề xuất trong HSDX không đáp ứng yêu cầu của HSYC và nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm

không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà thầu phụ đặc biệt thì nhà thầu được phép đề xuất thay thế nhà thầu phụ đặc biệt khác đáp ứng yêu cầu.

### **Mục 13. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu**

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trường hợp Chủ đầu tư gửi HSYC cho một nhà thầu, trong quá trình đánh giá, bên mời thầu mời nhà thầu đến thương thảo (nếu có), làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu.

Trường hợp Chủ đầu tư gửi HSYC cho nhiều hơn một nhà thầu và áp dụng thương thảo hợp đồng, bên mời thầu mời nhà thầu xếp thứ nhất đến thương thảo hợp đồng. Trong quá trình thương thảo, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

### **Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu**

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu đối với trường hợp Chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu;
4. Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất đối với trường hợp Chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu;
5. Có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)) không vượt giá dự toán gói thầu được duyệt.

### **Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho nhà thầu tham dự thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu;
- Dự toán gói thầu được duyệt;
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng.

b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Tên nhà thầu;
- Mã số thuế (nếu có);
- Giá dự thầu;
- Giá dự thầu sau khi hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có);
- Giá trúng thầu;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu đối với trường hợp Chủ đầu tư gửi hồ sơ yêu cầu cho nhiều hơn một nhà thầu.

d) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

#### **Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu và hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; trường hợp gửi HSYC cho nhiều hơn một nhà thầu, Chủ đầu tư mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

#### **Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được chỉ định thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSYC này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

### **Mục 18. Giải quyết kiến nghị**

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 Luật Đấu thầu.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_ [*ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, email*];

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: \_\_\_\_\_ [*ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, email*];

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: \_\_\_\_\_ [*ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, email*].

### **Mục 19. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu**

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo địa chỉ sau: \_\_\_\_\_ [*ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, email của tổ chức, cá nhân được Người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát (nếu có)*].

## **Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX**

### **Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX**

#### **1.1. Kiểm tra HSDX**

a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;



- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

## **1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDX**

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 (04A hoặc 04B hoặc 04C hoặc 04D hoặc 04E) Chương III hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I;
- e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.1, 2.2 và 2.3. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) sẽ không được xem xét khi đánh giá HSĐX của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm thi công xây dựng trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng xây lắp đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSĐX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSĐX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của \_\_\_\_\_  
*[ghi căn cứ xác định tỷ giá quy đổi, thông thường áp dụng tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam]* tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 10C Chương III. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM (\*)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm _____ <sup>(1)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(2)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế <sup>(3)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
<b>3</b>	<b>Năng lực tài chính</b>					
<b>3.1</b>	<b>Kết quả hoạt động tài chính<sup>(4)</sup></b>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09A
<b>3.2</b>	<b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của _____ <sup>(5)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là _____ <sup>(6)</sup> VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09A
<b>3.3</b>	<b>Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu</b>	<i>Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng hoặc không yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng. - Trường hợp không yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng thì quy định như sau:</i>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09B, 09C

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p>"Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao<sup>(7)</sup>, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu về cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là ____<sup>(8)</sup>VND."</p> <p>- Trường hợp có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng thì quy định như sau:</p> <p>"Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao<sup>(7)</sup>, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các</p>				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p>nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu về cầu nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là ____<sup>(8)</sup>VND.</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị tối thiểu: ____<sup>(8)</sup>VND;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong ____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu] kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày ____</li> </ul>				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p>tháng____ năm____ [ghi rõ ngày dự kiến hoàn thành hợp đồng, ví dụ: 31 tháng 12 năm 2025];</p> <p>- Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.”</p>				
4	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự<sup>(9)</sup></b>	<p><b>1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập (ví dụ công trình A):</b></p> <p><i>Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư chọn một trong hai cách dưới đây: ____</i></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm____<sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 06

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p>lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu 02 công trình có: loại kết cấu:..., cấp:... [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu]<sup>(12)</sup> trong đó ít nhất một công trình có giá trị là <math>V^{(13)}</math> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq X</math>, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ trong đó <math>X = 2 \times V</math>. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn<sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq X</math> thì được coi là đáp ứng.</p> <p><i>Hoặc:</i></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm ____<sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần</p>				



Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p>lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu 01 công trình có: loại kết cấu:....., cấp:.... [<i>ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu</i>]<sup>(12)</sup>, có giá trị là V<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ.</p> <p><b>2. Trường hợp gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình (ví dụ gồm tổ hợp 3 công trình: A1, A2, A3)</b></p> <p><i>Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư chọn một trong hai cách dưới đây: _____</i></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm _____<sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu:</p>				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p>- 02 công trình có: loại kết cấu..., cấp:... [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A1 thuộc gói thầu]<sup>(12)</sup>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là V1<sup>(13)</sup> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq X1</math>, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ. Trong đó <math>X1 = 2 \times V1</math>. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn<sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq X1</math> thì được coi là đáp ứng.</p> <p>- 02 công trình có: loại kết cấu..., cấp:... [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A2 thuộc gói</p>				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p><i>thầu</i>]<sup>(12)</sup>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là V2<sup>(13)</sup> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq X2</math>, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ. Trong đó <math>X2 = 2 \times V2</math>. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn<sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq X2</math> thì được coi là đáp ứng.</p> <p>- 02 công trình có: loại kết cấu..., cấp:.... [<i>ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A3 thuộc gói thầu</i>]<sup>(12)</sup>, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là V3<sup>(13)</sup> và tổng giá trị tất cả các công trình <math>\geq X3</math>, với tư cách</p>				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p>là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ. Trong đó <math>X3 = 2 \times V3</math>. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn<sup>(11)</sup> 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị <math>\geq X3</math> thì được coi là đáp ứng.</p> <p>...</p> <p><b>Hoặc:</b></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm___<sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu:</p> <p>- 01 công trình có: loại kết cấu..., cấp:.... [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A1 thuộc</p>				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p><i>gói thầu</i><sup>(12)</sup>, có giá trị là V1<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>- 01 công trình có: loại kết cấu..., cấp:... [<i>ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A2 thuộc gói thầu</i>]<sup>(12)</sup>, có giá trị là V2<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>- 01 công trình có: loại kết cấu..., cấp:... [<i>ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A3 thuộc gói thầu</i>]<sup>(12)</sup>, có giá trị là V3<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>...</p>				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p><b>3. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm các hạng mục công việc A1, A2, A3... (không phải là công trình theo pháp luật xây dựng)</b></p> <p>“Từ ngày 01 tháng 01 năm ____<sup>(10)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn<sup>(11)</sup> tối thiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 hạng mục có tính chất tương tự với hạng mục A1 [ghi tính chất của hạng mục A1], có giá trị là V1<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ.</li> <li>- 01 hạng mục có tính chất tương tự với hạng mục A2 [ghi tính chất của</li> </ul>				

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p><i>hạng mục A2]</i>, có giá trị là V2<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>- 01 hạng mục có tính chất tương tự với hạng mục A3 [<i>ghi tính chất của hạng mục A3]</i>, có giá trị là V3<sup>(13)</sup> với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý<sup>(14)</sup> hoặc nhà thầu phụ.</p> <p>Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.</p>				

**Ghi chú:**

(1) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(2) Hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã



nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

*(Ví dụ: Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 - 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(4) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

*Ví dụ: Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 - 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(5) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSYC thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trường hợp doanh thu bình quân hằng năm (không

bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSYC thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

*Ví dụ:*

*- Ngày có thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 - 31/12 và HSYC yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022).*

*- Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

(6) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu - giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2;

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

**Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu - giá trị thuế VAT) x k.**

Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(7) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm. Trường hợp HSYC có yêu cầu về cam kết cung cấp tín dụng và nhà thầu sử dụng cam kết này để chứng minh nguồn lực tài chính thì nhà thầu phải đính kèm cam kết cung cấp tín dụng trong HSDX.

(8) Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu:

a) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = t x (Giá gói thầu/thời gian thực hiện gói thầu (tính theo tháng)).**

Thông thường yêu cầu hệ số “t” trong công thức này là 3.

b) Đối với gói thầu có thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng, yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu được xác định theo công thức sau:

**Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu = 30% x Giá gói thầu.**

(9) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Không xem xét, đánh giá đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu.

(10) Ghi năm yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu.

(11) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình/hạng mục công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

(12) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình/loại kết cấu công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì HSYC phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; riêng đối với cấp công trình được xác định theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD. Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Loại kết cấu, cấp công trình của nhà thầu thực hiện được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

(13) Ghi giá trị của V, V1, V2, V3. Trong đó:

- V có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị công việc xây lắp của công trình thuộc gói thầu đang xét (công trình A). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V trong khoảng 40% - 50% giá trị công việc xây lắp của công trình A.

- V1, V2, V3... có giá trị thông thường khoảng 50% giá trị của từng công trình/hạng mục tương ứng (A1, A2, A3...) thuộc gói thầu đang xét (bao gồm thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng nếu có). Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị V1, V2, V3... trong khoảng 40% - 50% giá trị của công trình/hạng mục A1, A2, A3...

- Việc đánh giá về giá trị của các công trình/hạng mục mà nhà thầu đã thực hiện, Tổ chuyên gia căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu của công trình/hạng mục đó. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để

xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

Hai công trình có cấp thấp hơn liền kề với cấp của công trình đang xét, giá trị hoàn thành mỗi công trình cấp thấp hơn liền kề bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của công trình đang xét thì được đánh giá là một công trình xây lắp tương tự.

*Vi dụ: Trường hợp công trình đang xét là công trình dân dụng cấp II với giá trị công trình là 60 tỷ đồng, nếu nhà thầu có 2 công trình dân dụng cấp III với giá trị đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn lần lượt là 30 tỷ đồng, 50 tỷ đồng thì được đánh giá là một công trình dân dụng cấp II với giá trị 30 tỷ đồng.*

- Các công trình/hạng mục tương tự mà nhà thầu đã hoàn thành có thể thuộc một hoặc nhiều hợp đồng (hợp đồng có thể đang thực hiện, chưa thanh lý).

- Đối với gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình theo pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư có thể yêu cầu phải hoàn thành công trình/hạng mục tương tự cho tất cả các công trình/hạng mục trong gói thầu hoặc chỉ yêu cầu hoàn thành công trình/hạng mục tương tự đối với một số công trình/hạng mục chính, trường hợp có một số công trình có cùng loại kết cấu thì chỉ yêu cầu về công trình/hạng mục tương tự đối với cùng loại kết cấu mà có cấp công trình cao nhất (trường hợp có nhiều công trình cùng loại kết cấu và cấp công trình thì giá trị hợp đồng tương tự được tính theo công trình có giá trị cao nhất). Công trình/hạng mục mà nhà thầu đã hoàn thành có cùng loại kết cấu và có cấp công trình cao hơn cấp công trình của gói thầu đang xét thì được coi là đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu và cấp công trình.

Loại kết cấu, cấp công trình của công trình tương tự được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

*Vi dụ: Đối với gói thầu xây dựng “Trường trung học phổ thông A”, bao gồm tổ hợp các công trình:*

+ Nhà A1 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 8.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (2X) VND. Nhà A1 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A2 (Nhà học): Cao 10 tầng, tổng diện tích sàn 5.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (X) VND. Nhà A2 là công trình kết cấu dạng nhà cấp II theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Nhà A3 (Nhà học): Cao 6 tầng, tổng diện tích sàn 1.000 m<sup>2</sup>, có giá trị theo dự toán được duyệt là (Y) VND. Nhà A3 là công trình kết cấu dạng nhà cấp III theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

+ Hàng rào bảo vệ: Cao 3 m

+ Nhà bảo vệ: Cao 1 tầng, diện tích sàn 12 m<sup>2</sup>

Trong HSYC có thể quy định kinh nghiệm thi công công trình tương tự là: “nhà thầu đã hoàn thành công trình xây dựng nhà, kết cấu dạng nhà cấp II, có giá trị tối thiểu là 50% x (2X) VND” mà không phải quy định nhà thầu phải có kinh nghiệm thực hiện cả các công trình xây dựng nhà A2, A3, hàng rào bảo vệ, nhà bảo vệ.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể yêu cầu tương tự về điều kiện hiện trường.

(14) Nhà thầu quản lý là nhà thầu không trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc của gói thầu mà ký hợp đồng với các nhà thầu khác để thực hiện nhưng nhà thầu vẫn quản lý việc thực hiện của các nhà thầu mà mình đã ký hợp đồng, đồng thời vẫn chịu toàn bộ trách nhiệm cũng như rủi ro liên quan đến giá thành, tiến độ thực hiện, chất lượng và các nội dung khác của gói thầu.

## **2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật**

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu.

### **a) Nhân sự chủ chốt**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và pháp luật về xây dựng mà Chủ đầu tư đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt trong HSYC cho phù hợp như chỉ huy trưởng công trường, cán bộ phụ trách kỹ thuật, an toàn lao động và các vị trí công việc quan trọng khác. HSYC không được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các vị trí công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông.

Trường hợp HSYC có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu đề xuất trong HSDX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, HSDX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 07A, 07B và 07C Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt**

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự <sup>(1)</sup>	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn <sup>(2)</sup>
1			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
2			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
n				

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu về điều kiện hành nghề đối với vị trí công việc nêu tại Bảng này trong đó có nêu rõ yêu cầu về cấp công trình thì cấp công trình theo hợp đồng mà nhân sự chủ chốt đã tham gia được xác định theo quy định của pháp luật xây dựng tại thời điểm phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình theo hợp đồng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

**b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu**

Căn cứ quy định của pháp luật về xây dựng, Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra các yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị thi công chủ yếu đối với các thiết bị quan trọng, đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thi công gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị thi công chủ yếu mà nhà thầu kê khai trong HSDX không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động thiết bị (bao gồm cả trường hợp thiết bị đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực



thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, HSDX của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 07D Chương III để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu**

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
n		

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

### **2.3. Nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có)**

Chủ đầu tư, Bên mời thầu chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt quy định tại Mục 12 Chương I. Kinh nghiệm cụ thể và nguồn lực tài chính của nhà thầu phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm và nguồn lực của nhà thầu khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu. Nhà thầu phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây: \_\_\_\_ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với nhà thầu phụ đặc biệt].

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương IV, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong HSYC. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập HSYC phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường;
- Các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác.

Nhà thầu có thể đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình hoặc không đính kèm chứng chỉ này trong HSDX, kể cả trường hợp HSYC có yêu cầu nhà thầu phải có chứng chỉ này. Việc nhà thầu không đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. HSDX của nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá và được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình trước khi trao hợp đồng.

HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 29 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (nếu có);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xếp hạng nhà thầu: HSDX có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất<sup>1</sup>.

Trường hợp Chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá HSDX để so sánh, xếp hạng các HSDX.

---

<sup>1</sup> Áp dụng trong trường hợp gửi HSYC cho nhiều hơn một nhà thầu.

**Chương III. BIỂU MẪU****Mẫu số 01****ĐƠN DỰ THẦU**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [Ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số \_\_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại \_\_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu] cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu].

**Chúng tôi cam kết:**

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu<sup>(2)</sup>.

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu<sup>(1)</sup>**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

Mẫu số 02

**GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_\_ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại \_\_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_\_ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc \_\_\_\_\_ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do \_\_\_\_\_ [*Ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

*[- Ký đơn dự thầu;*

*- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;*

*- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được chỉ định thầu.]<sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_\_ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_\_ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]*

**Người ủy quyền**

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

Mẫu số 03

**THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc: \_\_\_\_ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ \_\_\_\_ [Luật Đấu thầu]<sup>(2)</sup>;- Căn cứ \_\_\_\_<sup>(2)</sup>;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc \_\_\_\_ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].



2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: *[Ghi tên của liên danh]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác *[Ghi rõ hình thức xử lý khác]*.

## **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc \_\_\_\_\_ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* đối với từng thành viên như sau:

### 1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_\_ *[Ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(3)</sup>:

- [- Ký đơn dự thầu;*
- *Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;*
  - *Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;*
  - *Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;*
  - *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_\_ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].*

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây<sup>(4)</sup>:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....	....		
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
  - Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
  - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
  - Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;
  - Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc \_\_\_\_\_ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành bản, mỗi bên giữ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH<sup>(5)</sup>**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

#### **Ghi chú:**

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 (04A hoặc 04B hoặc 04C hoặc 04D hoặc 04E) Chương III; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU<sup>(1)</sup>***(Đối với loại hợp đồng trọn gói)*

STT	Mô tả công việc <sup>(2)</sup>	Khối lượng tham khảo <sup>(3)</sup>	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục <sup>(4)</sup>
1	Hạng mục 1			
2	Hạng mục 2			
..				
<b>Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):</b>				X1

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

(1) Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong HSYC, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với các hạng mục công việc nêu trong HSYC, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC sẽ được coi là chào thầu và được hiệu chỉnh theo quy định.

Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng.

(2), (3) Các hạng mục công việc nêu trong HSYC và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương IV.

Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại các hạng mục công việc nêu trong HSYC. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong các hạng mục công việc nêu trong HSYC nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện các hạng mục công việc nêu trong HSYC thừa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thừa ra khỏi bảng tổng hợp giá dự thầu.

(4) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá dự thầu. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

Mẫu số 04B

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**  
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4) x (6)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục</b>					<b>A=A1+A2+...</b>
<b>I.1</b>	<b>Hạng mục 1</b>					<b>A1</b>
1	...					
2	...					
<b>I.2</b>	<b>Hạng mục 2</b>					<b>A2</b>
1	...					
2	...					
..	...					...
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>					
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh <sup>(*)</sup>		b1%			<b>B1 = b1% x A</b>
2	Chi phí công nhật					<b>Y1</b>
3	Chi phí cho các khoản tạm tính khác					<b>Y2</b>
<b>Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):</b>						<b>X2=A+B1+Y1+Y2</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) (7): Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(\*): Trong HSYC phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) làm cơ sở để nhà thầu chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYC (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Mẫu số 04C

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**  
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/ Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4) x (6)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục</b>					<b>A=A1+A2+...</b>
<b>I.1</b>	<b>Hạng mục 1</b>					<b>A1</b>
1	...					
2	...					
<b>I.2</b>	<b>Hạng mục 2</b>					<b>A2</b>
1	...					
2	...					
..	...					...
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>					
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá <sup>(*)</sup>		b2%			<b>B2 = b2% x A</b>
2	Chi phí công nhật					<b>Y1</b>
3	Chi phí cho các khoản tạm tính khác					<b>Y2</b>
<b>Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))</b>						<b>X3=A+B2+ +Y1+Y2</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



**Ghi chú:**

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) (7) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(\*): Trong HSYC phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng trượt giá (b2%) làm cơ sở để nhà thầu chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYC (b2%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

Mẫu số 04D

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**  
(Đối với loại hợp đồng theo kết quả đầu ra)

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
<b>1</b>	<b>Hạng mục 1</b>					<b>A1</b>
1.1	...					
1.2	...					
<b>2</b>	<b>Hạng mục 2</b>					<b>A2</b>
2.1	...					
2.2	...					
..	...					...
<b>Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))</b>						<b>X4=A1+A2+...</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6), (7): Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Mẫu số 04E

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**  
(Đối với loại hợp đồng hỗn hợp)

**I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói<sup>(1)</sup>**

STT	Mô tả công việc <sup>(2)</sup>	Khối lượng tham khảo <sup>(3)</sup>	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục <sup>(4)</sup>
1	Hạng mục 1			
2	Hạng mục 2			
..				
<b>Tổng cộng:</b>				X1

**Ghi chú:**

(1) Giá dự thầu của các hạng mục này được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong HSYC, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong các hạng mục này khác so với các hạng mục công việc áp dụng loại hợp đồng trọn gói nêu trong HSYC, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

Giá dự thầu cho các hạng mục này là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá các hạng mục.

Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá của các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói ghi trong hợp đồng.

(2), (3) Các hạng mục công việc nêu trong HSYC và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương IV.

(4) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá của các hạng mục. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thừa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

## II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4) x (6)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục</b>					<b>A=A1+A2+...</b>
<b>I.1</b>	<b>Hạng mục 1</b>					<b>A1</b>
1	...					
2	...					
<b>I.2</b>	<b>Hạng mục 2</b>					<b>A2</b>
1	...					
2	...					
..	...					...
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh<sup>(*)</sup></b>		<i>b1%</i>			<b>B1 = b1% x A</b>
<b>Tổng cộng:</b>						<b>X2=A+B1</b>

### Ghi chú:

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) (7) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(\*): Trong HSYC phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) làm cơ sở để nhà thầu chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYC (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

### III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4) x (6)
<b>I</b>	<b>Các hạng mục</b>					<b>A=A1+A2+...</b>
<i>I.1</i>	<i>Hạng mục 1</i>					<i>A1</i>
<i>1</i>	...					
<i>2</i>	...					
<i>I.2</i>	<i>Hạng mục 2</i>					<i>A2</i>
<i>1</i>	...					
<i>2</i>	...					
..	...					...

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4) x (6)
<b>II</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>					
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá <sup>(*)</sup>		b2%			$B2 = b2\% \times A$
<b>Tổng cộng:</b>						<b>X3=A+B2</b>

**Ghi chú:**

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6) (7) Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí dự phòng.

(\*): Trong HSYC phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng trượt giá (b2%) làm cơ sở để nhà thầu chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong HSYC (b2%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào (A). Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế và có trượt giá.

**IV. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra**

STT	Mô tả công việc mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
<b>I.1</b>	<b>Hạng mục 1</b>					<b>A1</b>
1	...					
...	...					
<b>I.2</b>	<b>Hạng mục 2</b>					<b>A2</b>
1	...					
..	...					...
<b>Tổng cộng:</b>						<b>X4=A1+A2+...</b>

**Ghi chú:**

(2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi các công việc cụ thể của từng hạng mục cùng với đơn vị tính và khối lượng mời thầu trên cơ sở phù hợp với mô tả công việc, bản vẽ và chi tiết kỹ thuật trong Chương IV làm cơ sở để nhà thầu chào giá dự thầu cho từng hạng mục.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật chính để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương IV hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên mục, số trang, số quyển...) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(6), (7): Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu, thành tiền của từng hạng mục. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

**V. Tổng hợp giá dự thầu**

STT	Các hạng mục	Thành tiền
I	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói	X1
II	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định	X2

STT	Các hạng mục	Thành tiền
III	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	X3
IV	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra	X4
IV	Chi phí công nhật	Y1
V	Chi phí cho các khoản tạm tính	Y2
	<b>Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):</b>	$X=X1+X2+X3+X4+Y1+Y2$



Mẫu số 04G

## BẢNG KÊ CÔNG NHẬT

### 1. Quy định chung

a) Bảng kê Công nhật thông thường được áp dụng đối với các gói thầu có khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

Trường hợp cần đưa Bảng kê Công nhật vào HSYC thì phải ghi rõ khối lượng, số lượng danh nghĩa đối với các hạng mục có khả năng phải sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào giá. Giá dự thầu cho phần công nhật được kết chuyển vào phần Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu. Phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá HSDX để so sánh các HSDX.

b) Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm Chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong HSDX. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh công nhật hoặc các công việc tạm tính khác thì Chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

c) Các công việc sẽ không được thực hiện trên cơ sở công nhật trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải điền đơn giá, thành tiền cho các hạng mục công nhật trong các Bảng nhân công, vật liệu, thiết bị. Đơn giá do nhà thầu chào sẽ được áp dụng đối với bất kỳ khối lượng công nhật nào được Chủ đầu tư yêu cầu thực hiện. Trừ khi hợp đồng có quy định khác, các khoản thanh toán cho công nhật sẽ phụ thuộc vào quy định về điều chỉnh giá trong Điều kiện hợp đồng.

### 2. Nhân công tính theo Công nhật

a) Khi tính toán các khoản thanh toán cho nhà thầu theo công nhật, số giờ cho nhân công sẽ được tính từ thời điểm nhân công đến hiện trường để thực hiện hạng mục công nhật đến thời điểm nhân công quay trở về nơi xuất phát ban đầu, nhưng không bao gồm thời gian nghỉ ăn trưa và những khoảng thời gian nghỉ khác. Chỉ có thời gian của các nhân công trực tiếp làm công việc theo yêu cầu của Chủ đầu

tư và công việc mà nhân công có khả năng thực hiện mới được tính chi phí. Thời gian đội trưởng tham gia xây lắp cùng tập thể lao động cũng sẽ được tính nhưng không tính thời gian của đốc công hoặc nhân sự giám sát khác.

b) Nhà thầu được thanh toán đối với tổng số thời gian mà nhân công được thuê theo công nhật. Giá trị thanh toán được tính theo đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 1. Nhân công**. Đơn giá được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) tất cả các chi phí phải thanh toán cho nhà thầu như:

- Số tiền lương trả cho người lao động;
- Chi phí đi lại, làm thêm giờ, sinh hoạt phí;
- Các chi phí về phúc lợi xã hội liên quan;
- Lợi nhuận của nhà thầu, chi phí quản lý, giám sát, bảo hiểm;
- Chi phí điện, nước, an ninh, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, hành chính, văn thư và các chi phí liên quan khác.

### **3. Vật liệu tính theo Công nhật**

Nhà thầu sẽ được thanh toán đối với vật liệu được sử dụng để thực hiện công việc theo công nhật với đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 2. Vật liệu**. Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm chi phí quản lý, lợi nhuận như sau:

a) Đơn giá vật liệu sẽ được tính trên cơ sở giá ghi trên hóa đơn cộng với các chi phí để giao vật liệu đến kho tại Công trường bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, chi phí bốc dỡ, thiệt hại, tổn thất...;

b) Chi phí vận chuyển vật liệu để sử dụng vào công việc được yêu cầu thực hiện theo công nhật từ kho chứa tại Công trường đến địa điểm mà vật liệu được sử dụng sẽ được thanh toán theo các điều khoản về Nhân công và Thiết bị thi công trong Bảng này.

### **4. Thiết bị của nhà thầu tính theo Công nhật**

a) Nhà thầu được thanh toán đối với Thiết bị của nhà thầu đã có tại Công trường và được sử dụng vào công việc theo công nhật theo đơn giá mà nhà thầu chào trong **Bảng đơn giá công nhật: 3. Thiết bị của nhà thầu**. Đơn giá phải được chào bằng VND và được coi là đã bao gồm (nhưng không giới hạn) các khoản chi phí sau:

- Chi phí khấu hao thiết bị;
- Chi phí lãi suất, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm, sửa chữa, bảo trì, vật tư, nhiên liệu, dầu nhớt và vật tư tiêu hao khác;
- Lợi nhuận và chi phí quản lý liên quan đến việc sử dụng các thiết bị.

Chi phí cho nhân viên vận hành thiết bị và trợ lý sẽ được thanh toán riêng như mô tả tại phần Nhân công tính theo Công nhật.

b) Chỉ có số giờ vận hành thực sự của thiết bị để thực hiện các công việc theo công nhật mới đủ điều kiện để thanh toán; trừ trường hợp Chủ đầu tư chấp nhận thanh toán đối với thời gian di chuyển thiết bị từ Công trường nơi thiết bị được đặt đến vị trí thi công các công việc theo công nhật và thời gian di chuyển thiết bị về vị trí ban đầu.

**Bảng đơn giá công nhật****1. Nhân công**

<b>Công việc số</b>	<b>Mô tả<sup>(1)</sup></b>	<b>Đơn vị<sup>(2)</sup></b>	<b>Số lượng danh nghĩa<sup>(3)</sup></b>	<b>Đơn giá<sup>(4)</sup></b>	<b>Thành tiền<sup>(5)</sup> (VND)</b>
1	Trưởng nhóm	giờ	50		
2	Công nhân phổ thông	giờ	500		
3	Thợ nề	giờ	200		
4	Thợ hồ	giờ	200		
5	Thợ mộc	giờ	100		
6	Thợ sắt	giờ	100		
7	Lái xe đến 10 tấn	giờ	100		
...	....				
	<b>Tổng giá cho Công nhật: Nhân công</b> (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)				(C1)

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**Bảng Đơn giá Công nhật****2. Vật liệu**

<b>Công việc số</b>	<b>Mô tả<sup>(1)</sup></b>	<b>Đơn vị<sup>(2)</sup></b>	<b>Số lượng danh nghĩa<sup>(3)</sup></b>	<b>Đơn giá<sup>(4)</sup></b>	<b>Thành tiền<sup>(5)</sup> (VND)</b>
1	<i>Xi măng Portland</i>	<i>tấn</i>	<i>0,5</i>		
2	<i>Thanh gia cố thép dẻo có đường kính 16mmØ đến M-31 hoặc tương đương</i>	<i>kg</i>	<i>100</i>		
3	<i>Đường ống gang dẻo (800mm Ø)</i>	<i>m</i>	<i>12</i>		
...	.....				
	<b>Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu</b> (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)				(C2)

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**Bảng Đơn giá Công nhật****3. Thiết bị của Nhà thầu**

<b>Công việc số</b>	<b>Mô tả<sup>(1)</sup></b>	<b>Đơn vị<sup>(2)</sup></b>	<b>Số lượng danh nghĩa<sup>(3)</sup></b>	<b>Đơn giá<sup>(4)</sup></b>	<b>Thành tiền<sup>(5)</sup> (VND)</b>
1	Máy cẩu bánh xích, 10 -15 tấn	giờ	10		
2	Ô tô cần trục, 25-50 tấn	giờ	15		
3	Máy đào thủy lực, 170Hp	giờ	10		
4	Máy san ủi, 3m, 100Hp	giờ	20		
5	Xe téc chở nước, 5000 lít	giờ	30		
6	Máy nén khí, 6000 lít/phút	giờ	40		
...	....				
<b>Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của Nhà thầu</b> (kết chuyển sang Bảng Công nhật tổng hợp)					(C3)

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1), (2), (3) Chủ đầu tư căn cứ khả năng phát sinh công việc ngoài các công việc nêu trong Bảng tổng hợp giá dự thầu hoặc không thể đưa vào nội dung mô tả, khối lượng, số lượng ước tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu để dự tính và ghi cụ thể tên công việc, đơn vị tính và số lượng danh nghĩa cho các công việc có thể sử dụng công nhật để nhà thầu làm cơ sở chào thầu.

(4), (5) Nhà thầu ghi đơn giá, thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.

**Bảng Công nhật tổng hợp**

	<b>Thành tiền (VND)</b>
1. Tổng giá cho Công nhật: Nhân công	(C1)
2. Tổng giá cho Công nhật: Vật liệu	(C2)
3. Tổng giá cho Công nhật: Thiết bị của nhà thầu	(C3)
<b>Tổng giá cho Công nhật</b> (kết chuyển sang cột “số tiền” của Chi phí công nhật trong Bảng tổng hợp giá dự thầu)	<b>Y1</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Mẫu số 04H

**BẢNG KÊ CÁC KHOẢN TẠM TÍNH**

Phần chi phí cho các khoản tạm tính sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá HSDX để so sánh các HSDX. Giá trúng thầu và giá hợp đồng sẽ bao gồm chi phí cho các khoản tạm tính do nhà thầu chào trong HSDX. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh các công việc theo mô tả thì Chủ đầu tư sẽ dùng khoản kinh phí cho các khoản tạm tính để thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng.

<b>Bảng số</b>	<b>Công việc số</b>	<b>Mô tả<sup>(1)</sup></b>	<b>Thành tiền (VND)<sup>(2)</sup></b>
...			
....			
<b>Tổng các khoản tạm tính</b> (kết chuyển sang cột “số tiền” của Chi phí cho các khoản tạm tính trong Bảng tổng hợp giá dự thầu)			<b>Y2</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Do Chủ đầu tư điền nội dung công việc để nhà thầu làm căn cứ chào trong HSDX theo đúng nội dung công việc nêu trong HSYC.

(2) Nhà thầu ghi thành tiền cho từng nội dung tương ứng trong cột “Mô tả”.



Mẫu số 04I

**BẢNG KÊ SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH**  
(áp dụng cho hợp đồng theo đơn điều chỉnh)

Mã Chỉ số	Mô tả Chỉ số	Nguồn Chỉ số	Giá trị cơ sở và Ngày cơ sở	Số tiền	Hệ số điểm do nhà thầu đề xuất
	Không điều chỉnh	—	—	—	a: 0.10 ~ 0.20
	Điều chỉnh	—	—	—	b: c: d: e:
<b>Tổng cộng</b>					<b>1.00</b>

Do Chủ đầu tư ghi

Do Nhà thầu ghi

(Xem tiếp Công báo số 273 + 274)

---

---

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại liên hệ:  
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517  
- Phát hành: 080.48543  
Email: [congbao@chinhphu.vn](mailto:congbao@chinhphu.vn)  
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>  
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng